

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2024/DS-ST  
Ngày: 11/9/2024  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Bá Khuyển.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Ngô Thị Quốc Thanh.
- Bà Đoàn Thị Mến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXXST-DS, ngày 12/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-DS, ngày 27/8/2024, giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 00 - N, phường V, quận 0, thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức TD. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị ĐH. Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh kiêm Trưởng Phòng giao dịch X, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (*Văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC, ngày 25/12/2023*).

Bà Nguyễn Thị ĐH ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị NT. Chức vụ: Trưởng Bộ phận QLTD&KSRR PGD X - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (*Văn bản ủy quyền số 72/2024/GUQ-PGDXM, ngày 23/4/2024*).

Địa chỉ: Số 00, Quốc lộ 00, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Bà TD, bà ĐH và bà NT: Vắng mặt).

*2/ Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 00/0 ấp B, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị NT trình bày:*

Ngày 01/12/2017 Phòng Giao dịch X - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) và ông Nguyễn Minh T ký kết Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng (Áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng Cá nhân); hạn mức tín dụng mong muốn 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); lãi suất 2.77%/tháng (tương đương 33.2%/năm); loại thẻ tín dụng đăng ký Family Credit EMV; số thẻ 970403-3143; số tài khoản thẻ 3190117030; mục đích vay tiêu dùng cá nhân và không có tài sản bảo đảm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 66.280.050 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng đến hết ngày 31/01/2024 được tổng số tiền 80.926.000 đồng. Đến nay, ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng với Ngân hàng. Từ ngày 31/01/2024, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán dư nợ thẻ tín dụng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ (khóa thẻ) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (tạm tính đến ngày 11/9/2024, ông T đã nợ quá kỳ hạn thanh toán là 225 ngày, do đó toàn bộ dư nợ vay của ông T đã chuyển sang nợ quá hạn nhóm 4 – Nhóm nợ nghi ngờ).

Mặc dù, Ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nợ và thông báo khởi kiện nhưng ông T vẫn cố tình trì hoãn, không thanh toán hết khoản nợ vay cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 11/9/2024 tổng cộng là 20.949.254 đồng. Trong đó: Gốc là 17.673.892 đồng; lãi là 3.275.362 đồng (lãi bao gồm: Lãi trong hạn và lãi quá hạn).

Đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng và ông T, kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay. Ngoài nội dung trên, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn là ông Nguyễn Minh T:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai của ông T.

*Tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp:*

Người đại diện của nguyên đơn giao nộp kèm theo đơn khởi kiện là: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Quyết định V/v điều động và bổ nhiệm nhân sự, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Quyết định ủy quyền, Giấy ủy quyền cho bà NT (tất cả là bản sao). Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng ngày 01/12/2017, Thông báo nhắc nợ, Thông báo khởi kiện, Bản tóm tắt sao kê, Căn cước công dân và sổ hộ khẩu kèm Hợp đồng lao động của ông T (tất cả là bản có dấu của Ngân hàng).

*Tại phiên tòa:*

Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người đại diện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị NT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng với ông T cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay, được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Ông T có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử.

[3] Sự vắng mặt của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có văn bản thông báo không tham gia phiên tòa với lý do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (Công văn số 188/CV-VKS, ngày 15/8/2024) nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Về tài liệu, chứng cứ: Căn cứ theo lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án thì toàn bộ nội dung trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 01/12/2017 do các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và đúng theo quy định của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010. Mặt khác, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho ông T tại Thông báo về kết

quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208, 209 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng ngày 01/12/2017 ký kết giữa Ngân hàng và ông T được xác lập theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng ngày 01/12/2017. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 15.000.000 đồng cho ông T. Như vậy, nội dung và hình thức của hợp đồng đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự.

[6] Quá trình thực hiện Hợp đồng: Ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 66.280.050 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng đến hết ngày 31/01/2024 được tổng số tiền 80.926.000 đồng. Từ sau ngày 31/01/2024 đến nay ông T không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nên phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) phát sinh cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 01/12/2017.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng nên căn cứ Điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010; các Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông T phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2024 là 20.949.254 đồng. Trong đó: Gốc là 17.673.892 đồng; lãi là 3.275.362 đồng (lãi bao gồm: Lãi trong hạn và lãi quá hạn). Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay của Ngân hàng.

[7] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là 20.949.254 đồng x 5% = 1.047.463 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều

271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Minh T về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 11/9/2024 là 20.949.254 đồng (hai mươi triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm lăm mươi bốn đồng). Trong đó: Gốc là 17.673.892 đồng; lãi là 3.275.362 đồng (lãi bao gồm: Lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng (Áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng Cá nhân), ngày 01/12/2017.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T phải chịu 1.047.463 đồng (một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng) tiền án phí.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 403.000 đồng (bốn trăm lẻ ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00053..., ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện X;
- Chi Cục THADS huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Bá Khuyến**

